

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **19/2020/DSST**

Ngày 18/8/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Ông **Ngô rô Be**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyện** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phước M** , sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị **Nguyễn Thị C** , sinh năm 1970 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: số 170 ấp Phú H , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

2. Đồng bị đơn: Anh **Phạm Minh L** , sinh năm 1977 (có mặt)

Chị **Huỳnh Thị H** , sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 147 ấp Phú H , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Từ năm 2012 gia đình anh L , chị H có mua phân bón của chị C , anh M nhiều lần để phục vụ sản xuất nông nghiệp, khi mua hai bên thỏa thuận đến cuối vụ lúa sẽ thanh toán. Các khoản nợ từ năm 2012 đến cuối năm 2015 vợ chồng anh L , chị H đã thanh toán xong. Từ vụ lúa năm 2016 cho đến ngày kết sổ anh L , chị H còn nợ vợ chồng chị C , anh M số tiền mua phân bón là 346.587.000 đồng. Ngoài ra anh L và

chị H còn vay của vợ chồng anh M và chị C số tiền 84.278.000 đồng. Đến ngày 25/10/2019 anh L viết giấy xác nhận công nợ tổng cộng số tiền còn nợ anh M , chị C là 430.865.000 đồng. Đến ngày 25/3/2020 anh L và chị H tiếp tục mua phân bón của anh M , chị C với số tiền 27.455.000 đồng, chưa thanh toán. Như vậy tính đến nay, tổng số tiền anh L , chị H còn nợ anh M , chị C là 458.320.000 đồng. Từ ngày mua bán, chốt nợ đến nay anh M , chị C đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên nhưng anh L , chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị C yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh L , chị H trả cho anh M , chị C tổng số tiền còn thiếu từ việc mua bán phân bón và nợ vay là 458.320.000 đồng, trong đó tiền vay là 84.278.000 đồng, nợ mua phân bón là 374.042.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Minh L trình bày:** Anh L thừa nhận vợ chồng anh có mua phân bón của vợ chồng anh M , chị C nhiều lần bắt đầu từ năm 2012. Đến ngày 25/10/2019 anh L có viết giấy xác nhận vợ chồng anh còn nợ vợ chồng anh M , chị C số tiền 430.865.000 đồng, trong đó tiền nợ mua phân bón là 230.000.000 đồng, tiền vay vốn gốc là 63.500.000 đồng và nợ lãi là 137.365.000 đồng. Ngoài ra, vụ lúa Đông xuân 2019-2020 vợ chồng anh L còn mua phân bón của anh M , chị C số tiền 27.455.000 đồng chưa thanh toán.

Đối với số tiền 137.365.000 đồng mà anh M cho rằng đó là nợ lãi phát sinh từ việc vay vốn và mua bán phân bón anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Anh L thừa nhận Giấy xác nhận công nợ ngày 25/10/2019 do anh L viết và anh tự ký tên không ai ép buộc.

Tại phiên tòa: Anh L thừa nhận tính đến nay vợ chồng anh có nợ vợ chồng anh M , chị C số tiền 430.865.000đ, trong đó nợ mua phân bón là 230.000.000đ, nợ mượn là 63.500.000đ, nợ lãi 137.365.000đ. Ngoài ra còn nợ mua phân vụ lúa Đông xuân 2019-2020 số tiền 27.455.000đ. Nếu vợ chồng anh M , chị C không thừa nhận có lãi 137.365.000đ, vợ chồng anh L thừa nhận còn nợ vợ chồng anh M , chị C số tiền 430.865.000đ, trong đó nợ mượn 63.500.000đ và nợ mua phân bón số tiền 367.365.000đ, anh L xin được trả dần mỗi vụ lúa trả 20.000.000đ cho đến khi hết nợ.

*** Tại phiên tòa chị H trình bày:** Chị H thừa nhận vợ chồng chị có thỏa thuận mua phân của vợ chồng anh M , chị C . Sau khi thu hoạch lúa chị có đưa tiền cho anh L để trả tiền mua phân của anh M , chị C . Chị H chỉ thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền 95.297.000 đồng và 27.455.000 đồng tiền mua phân bón cho vụ lúa Đông xuân, tổng cộng số tiền vợ chồng chị H còn thiếu anh M , chị C là 122.752.000 đồng. Đối với số tiền anh L vay của nguyên đơn tiêu xài chị H không biết và giấy xác nhận nợ ngày 25/10/2019 do anh L tự viết và ký tên với số tiền 430.865.000đ chị H không biết.

Tại phiên tòa chị H đồng ý trả cho anh M , chị C số tiền 122.752.000 đồng và xin trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 122.752.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận mua bán phân bón nhằm vụ phục sản xuất nông nghiệp. Ngày 25/10/2020 anh L có viết giấy xác nhận công nợ ngày 25/10/2019 với số tiền 430.865.000 đồng và giấy xác nhận ngày 25/3/2020 với số tiền nợ 27.455.000 đồng là do anh Long viết và ký tên, tuy nhiên anh L cho rằng theo giấy xác nhận công nợ thì gồm có tiền mua phân bón, tiền nợ tiêu xài và tiền lãi nhưng anh không nhớ rõ khoản tiền lãi cụ thể là bao nhiêu, tính như thế nào, anh cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Anh L xin trả dần mỗi vụ 20.000.000đ.

Chị H vợ anh L xác nhận có mua phân bón của nguyên đơn là đúng, nhưng chị H chỉ thừa nhận còn thiếu nguyên đơn 95.297.000 đồng và 27.455.000 đồng mua vụ lúa Đông xuân 2019-2020, tổng cộng là 122.752.000 đồng, việc anh L mượn tiền nguyên đơn tiêu xài chị H không biết, nên chị H chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 122.752.000 đồng.

Xét thấy, anh L chồng chị H thừa nhận viết giấy xác nhận công nợ ngày 25/10/2019 nợ nguyên đơn với số tiền 430.865.000 đồng, ngày chốt nợ trong sổ mua bán là ngày 22/3/2019 anh L đồng ý trả số tiền này. Việc thỏa thuận mua bán, vay nợ giữa vợ chồng chị H với nguyên đơn diễn ra trong thời gian dài, trong thời kỳ hôn nhân, việc thỏa thuận mua bán, vay nợ trên là nhằm mục đích để canh tác, sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, chị H biết rõ việc mua bán và hình thức thanh toán giữa vợ chồng chị với nguyên đơn. Vì vậy, chị H phải có trách nhiệm cùng trả nợ với anh L là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M , chị C , buộc anh L , chị H có trách nhiệm trả cho anh M , chị C tổng số tiền 458.320.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Minh L , chị Huỳnh Thị H có địa chỉ cư trú tại số 147 ấp Phú H , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn Phước M , chị Nguyễn Thị C yêu cầu vợ chồng anh Phạm Minh L , chị Huỳnh Thị H thanh toán số nợ phát sinh từ việc mua bán phân bón nhằm mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn trong đó có nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 430, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy anh M , chị C và anh L đều thống nhất thừa nhận có giao dịch mua bán phân bón nhiều lần để phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đến ngày 25/10/2019 anh L có viết giấy xác nhận công nợ có nội dung nợ anh M , chị C số tiền mua phân bón là 430.865.000 đồng và số tiền mua phân bón vụ Đông xuân 2019 - 2020 theo biên nhận nợ ngày 25/3/2020 là 27.455.000 đồng, tổng cộng là 458.320.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cả anh M , chị C và anh L đều thống nhất xác nhận trong số tiền 430.865.000 đồng, ngoài tiền mua phân bón còn bao gồm cả tiền mà anh L vay của chị C và anh M nhưng không thống nhất về khoản tiền vay. Trong đó chị C và anh M cho rằng anh L nợ tiền mua phân bón là 346.587.000 đồng, tiền vay là 84.278.000 đồng còn anh L thừa nhận trong số tiền 430.865.000 đồng thì nợ mua phân bón là 230.000.000 đồng, nợ vay là 63.500.000 đồng và nợ lãi 137.365.000 đồng.

Tại phiên tòa anh L xác nhận biên nhận nợ ngày 25/10/2019 là do anh tự viết và ký tên, không ai ép buộc, việc anh cho rằng số tiền theo biên nhận nợ ngày 25/10/2019 có nợ lãi 137.365.000 đồng nhưng tại biên nhận không thể hiện, anh M , chị C không thừa nhận và anh L cũng không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị H cùng có trách nhiệm trả số tiền 458.320.000 đồng, tại phiên tòa chị H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị H chỉ thừa nhận và đồng ý trả nợ cho anh M , chị C tổng số tiền 122.752.000đ đồng bao gồm nợ phân bón cũ là 95.297.000 đồng và nợ mua phân bón vụ lúa Đông xuân 2019-2020 là 27.455.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa anh L thừa nhận hiện còn nợ anh M , chị C tổng số tiền theo giấy xác nhận công nợ ngày 25/10/2019 và biên nhận nợ ngày 25/3/2020 là 458.320.000 đồng, đây là tiền vay và tiền mua phân bón nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng, anh L đồng ý trả số tiền trên. Thấy rằng, việc thỏa thuận mua bán, vay nợ giữa vợ chồng chị H với nguyên đơn diễn ra trong thời gian dài, và trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, việc thỏa thuận mua bán, vay nợ trên là nhằm mục đích để canh tác, sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, chị H biết rõ việc mua bán và hình thức thanh toán giữa vợ chồng chị với nguyên đơn. Vì vậy, chị H phải có trách nhiệm cùng trả nợ với anh L là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận mua bán phân bón và vay tiền giữa vợ chồng anh M, chị C và anh L, chị H được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Anh L, chị H đã nhận tài sản thì phải có trách nhiệm thanh toán cho chị C và anh M. Căn cứ vào các Điều 430; 434; 440; 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phạm Minh L, chị Huỳnh Thị H phải trả cho anh Nguyễn Phước M, chị Nguyễn Thị C số tiền còn thiếu phát sinh từ việc mua bán phân bón và vay tài sản là **458.320.000đ** (Bốn trăm năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Do anh M, chị C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bị đơn anh Phạm Minh L, chị Huỳnh Thị H về việc xin trả dần số nợ trên mỗi mùa vụ lúa 20.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của bị đơn nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc anh Phạm Minh L, chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh Nguyễn Phước M, chị Nguyễn Thị C **458.320.000đ** là: 20.000.000 đồng + (58.320.000 đồng x 4%) = 22.332.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Phước M, chị Huỳnh Thị Chung số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.166.000đ (Mười một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000482 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 430; 434; 440; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước M, chị Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn anh Phạm Minh L, chị Huỳnh Thị H.

2. Buộc anh Phạm Minh L, chị Huỳnh Thị H phải trả cho anh Nguyễn

Phước M , chị Nguyễn Thị C số tiền: **458.320.000đ** (Bốn trăm năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Phạm Minh L , chị Huỳnh Thị H phải nộp số tiền 22.332.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Phước M , chị Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.166.000đ (Mười một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000482 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Phước M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện T ;
- Chi cục THA huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến